TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
"*V/v tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Điền.
2. Ông Trần Trung Kiên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/6/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Trúc L là nguyên đơn trình bày: bà với ông H do tự quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên cho tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1996, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C vào ngày 19/11/2002. Lúc cưới không có nữ trang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2008 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân do ông H ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện gây gỗ từ đó hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cự cãi. Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông H không

còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nay bà quyết định xin ly hôn. Hiện tại vợ chồng đang sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm ai.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 05/11/1997 đã trưởng thành và có gia đình tư riêng.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

- Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn H là bị đơn trình bày: do tự quen biết nhau ông với bà L tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1996, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, cự cãi nhiều lần, không tin tưởng nhau, mất lòng tin nên thường xảy ra mâu thuẫn và không khắc phục được, bất đồng quan điểm và ý kiến. Từ đó vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 15 ngày nay.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 05/11/1997 đã trưởng thành và có gia đình tư riêng.

- Về tài sản chung: vợ chồng có tạo lập được tài sản chung gồm 04 chiếc xe mô tô, vợ chồng có sang nhượng một miếng đất của mẹ vợ giá 200.000.000 đồng nhưng đến nay chưa làm thủ tục sang tên.

- Về nợ chung: vợ chồng không thiếu ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Trúc L.

- Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo

đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ trường hợp không nộp, miễn nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Trúc L là nguyên đơn; ông Lê Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của bà. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Nuyễn Thị Trúc L và ông Lê Văn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/11/2002 nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được bà L thừa nhận tại bản tự khai; ông H cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được, từ đó mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa bà L và ông H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người không

còn sống chung với nhau nữa, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với ông H, ông H cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa bà L với ông H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 người tên Lê Nguyễn Mỹ H1, sinh ngày 05/11/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc L với ông Lê Văn H.

[2] Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: hai bên không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0010394, ngày 26/5/2022 do bà L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung